

1. Câu điều kiện hỗn hợp

Định nghĩa: Câu điều kiện hỗn hợp là câu điều kiện kết hợp giữa câu điều kiện loại 3 và câu điều kiện loại 2. -> Dùng để diễn đạt giả định về một điều "trái với sự thật trong quá khứ", nhưng kết quả muốn nói đến trái ngược với sự thật ở hiện tại.

Công thức:

S + had + V3/-ed, S + would/should + V(nguyên thể)

Chú thích: S - chủ ngữ, V3/-ed(Vpp/-ed) - động từ cột 3 trong bảng bất quy tắc hoặc động từ đuôi "ed"

Ta thấy mệnh đề chứa "If" hay còn gọi là "mệnh đề giả định" sử dụng cấu trúc của câu điều kiện loại 3 (động từ chia thì quá khứ hoàn thành), còn mệnh đề chính sử dụng cấu trúc của câu điều kiện loại 2 (would/should + V(nguyên thể)).

Ví dụ:

- If he had told me the reason yesterday, I wouldn't be sad now.

(Nếu hôm qua anh ấy nói với tôi lý do thì bây giờ tôi sẽ không buồn như vậy)

-> Sự thật là hôm qua anh ấy đã không nói với tôi lý do, và bây giờ tôi cảm thấy rất buồn. Ta thấy mệnh đề "If" đưa ra một giả định trái với sự thật trong quá khứ (hôm qua), và mệnh đề chính đưa ra giả định về kết quả trái với sự thật ở hiện tại (bây giờ).

2. Câu điều kiện với UNLESS

Unless(trừ khi) = if not

Ví dụ:

- If she doesn't study hard, she will get bad marks.

(Nếu cô ấy không học hành chăm chỉ, cô ấy sẽ bị điểm kém.)

- Bằng với: Unless she studies hard, she will get bad marks.

(Trừ khi cô ấy học hành chăm chỉ, nếu không cô ấy sẽ bị điểm kém)

CHÚ Ý:

* Ta chỉ sử dụng "unless" trong câu điều kiện loại 1 (giả định một việc có thể xảy ra ở hiện tại và tương lai)

* Không sử dụng "unless" trong câu điều kiện loại 2 và loại 3.

* Không sử dụng "unless" trong câu hỏi.

Ví dụ:

- What will you do if he doesn't come?

(Bạn sẽ làm gì nếu anh ấy không đến?)

Không được sử dụng:

- What will you do unless he comes?

3. Một số biến thể có thể có của các cụm động từ trong các vế của câu điều kiện LOẠI 1

A. Biến thể của cụm động từ trong mệnh đề chính (main clause)

* Đối với trường hợp muốn nhấn mạnh tính có thể xảy ra sự việc:

If + hiện tại đơn, ... may/might + V(nguyên thể).

Ví dụ:

- If the weather gets worse, the flight may/might be delayed.

(Nếu thời tiết xấu hơn, chuyến bay có thể bị trì hoãn)

* Đối với trường hợp thể hiện sự đồng ý, cho phép, gợi ý:

If + hiện tại đơn, ... may/can + V(nguyên thể).

Ví dụ:

- If it stops raining, we can go out.

(Nếu trời ngừng mưa, chúng ta có thể ra ngoài)

* Đối với câu gợi ý, khuyên răn, đề nghị hoặc yêu cầu nhưng nhấn mạnh về hành động:
If + hiện tại đơn, ... would like to/must/have to/should... + V(nguyên thể).

Ví dụ:

- If you go to the library today, I would like to go with you.
(Nếu bạn đi đến thư viện ngày hôm nay, tôi muốn đi với bạn)

* Đối với trường hợp muốn diễn tả hậu quả tất yếu của điều kiện đặt ra theo quy luật hoặc thói quen:

If + hiện tại đơn, hiện tại đơn.

Ví dụ:

- If you eat this poisonous fruit, you die at once.
(Nếu bạn ăn trái cây độc hại này, bạn chết ngay lập tức)

* Đối với trường hợp có thể xảy ra trong tương lai và nhấn mạnh trạng thái diễn ra/hoàn thành của sự việc:

If + hiện tại đơn, tương lai tiếp diễn/tương lai hoàn thành.

Ví dụ:

- If we leave Hanoi for Hue today, we shall be staying in Hue tomorrow.
(Nếu chúng ta rời Hà Nội cho Huế hôm nay, chúng ta sẽ ở Huế vào ngày mai.)
- If you do your home work right now, you will have finished it in 2 hours' time.
(Nếu bạn làm việc nhà ngay bây giờ, bạn sẽ hoàn thành nó trong 2 giờ.)

* Đối với câu mệnh lệnh (chủ ngữ ẩn ở mệnh đề chính):

If + hiện tại đơn, (do not) V(nguyên thể)..

Ví dụ:

- If you are hungry, go to a restaurant.
(Nếu bạn đói, hãy đi đến nhà hàng.)

* Đối với câu khuyên răn, trong trường hợp này không thực sự là một câu điều kiện bởi "if" mang nghĩa như "as, since, because":

If + hiện tại đơn, why do (not) + V(nguyên thể).

Ví dụ:

- If you like the movie, why don't you go to the cinema?
(Nếu bạn thích bộ phim, tại sao bạn không đi xem phim?)

B. Biến thể của cụm động từ trong mệnh đề điều kiện (if-clause)

* Đối với trường hợp đang xảy ra ngay trong hiện tại:

If + hiện tại tiếp diễn, tương lai đơn

Ví dụ:

- If he is working, I won't disturb him.
(Nếu anh ta làm việc, tôi sẽ không làm phiền anh ta.)

* Đối với trường hợp không chắc về thời gian của điều kiện có thật mà nhấn mạnh tính hoàn tất của nó:

If + hiện tại hoàn thành, tương lai đơn.

Ví dụ:

- If you have finished your homework, I shall ask for your help.
(Nếu bạn đã hoàn thành bài tập về nhà, tôi sẽ yêu cầu sự giúp đỡ của bạn)

* Đối với câu gợi ý nhưng nhấn mạnh về điều kiện:

If + would like to + V(nguyên thể),... will/can/must/nothing + V(nguyên thể).

Ví dụ:

- If you would like to go to the library today, I can/will go with you.
(Nếu bạn muốn đi đến thư viện ngày hôm nay, tôi có thể/sẽ đi với bạn.)

* Đối với câu đề nghị, gợi ý, bày tỏ ý kiến mang tính lịch sự:

If + can/may/must/have to/should/be going to + V(nguyên thể), tương lai đơn.

Ví dụ:

- If I can help you, I will.

(Nếu tôi có thể giúp bạn, tôi sẽ giúp)

- If I may get into the room now, I shan't feel cold.

(Nếu bây giờ tôi có thể vào phòng, tôi sẽ không cảm thấy lạnh)

Lưu ý: Trong câu "if + S + should + V(nguyên thể).", should có thể được đưa lên đầu câu thay "if": Should + S + V(nguyên thể), tương lai đơn.

Ví dụ:

- Should you see him on the way home from work, please tell him to call on me

(Nếu bạn nhìn thấy anh ta trên đường về nhà từ nơi làm việc, xin hãy nói với anh ấy để gọi cho tôi)

* Tương tự như vậy, ta có một số biến thể ít phổ biến hơn của cụm động từ đối với GIẢ ĐỊNH KHÔNG CÓ THỰC (unreal conditions loại II và III), tùy vào việc muốn nhấn mạnh và trạng thái diễn tiến hay hoàn thành của sự việc trong mệnh đề điều kiện hoặc sự việc trong mệnh đề chính.

LOẠI 2

A. Mệnh đề chính (main clause)

If + quá khứ đơn, ... would/should/could/might/had to/ought to + be V_ing.

Ví dụ:

- If we left Hanoi for Hue this morning, we would be staying in Hue tomorrow.

(Nếu chúng tôi rời Hà Nội vào Huế sáng nay, chúng tôi sẽ ở Huế vào ngày mai)

If + quá khứ đơn, quá khứ đơn. (việc đã xảy ra)

Ví dụ:

- If the goalkeeper didn't catch the ball, they lost.

(Nếu thủ môn không bắt bóng, họ đã thua)

If + quá khứ đơn, ... would be + V_ing.

Ví dụ:

- If I were on holiday with him, I would/might be touring Italy now.

(Nếu tôi đi nghỉ cùng anh ấy, tôi sẽ/có thể đi lưu diễn tại Ý bây giờ)

If dùng như "as, since, because" có thể kết hợp với động từ ở nhiều thì khác nhau trong mệnh đề chính và không thực sự là một câu điều kiện.

Ví dụ:

- If you knew her troubles, why didn't you tell me?

(Nếu bạn biết rắc rối của mình, tại sao bạn không nói với tôi?)

B. Mệnh đề phụ (if-clause)

If + quá khứ tiếp diễn, ... would/could + V(nguyên thể).

Ví dụ:

- If we were studying English in London now, we could speak English much better.

(Nếu bây giờ chúng ta học tiếng Anh ở London, chúng ta có thể nói tiếng Anh tốt hơn)

If + quá khứ hoàn thành, ... would/could + V(nguyên thể).

Ví dụ:

- If you had taken my advice, you would be a millionaire now.

(Nếu bạn đã lấy lời khuyên của tôi, bây giờ bạn sẽ là một triệu phú)

LOẠI 3

A. Mệnh đề chính (main clause)

If + quá khứ hoàn thành, ... could/might + hiện tại hoàn thành.

Ví dụ:

- If we had found him earlier, we could have saved his life.

(Nếu chúng tôi đã tìm thấy anh ta trước đó, chúng tôi có thể đã cứu sống anh ta)

If + quá khứ hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn.

Ví dụ:

- If you had left Hanoi for Haiphong last Saturday, you would have been swimming in Doson last Sunday.

(Nếu bạn rời Hà Nội cho Hải Phòng vào ngày thứ bảy tuần trước, bạn sẽ bơi ở Doson vào Chủ nhật tuần trước.)

If + quá khứ hoàn thành, ... would + V(nguyên thể).

Ví dụ:

- If she had followed my advice, she would be richer now.

(Nếu cô ấy đã theo tôi lời khuyên, cô ấy sẽ giàu có hơn bây giờ)

B. Mệnh đề phụ (if-clause)

If + quá khứ hoàn thành tiếp diễn, ... would + hiện tại hoàn thành.

Ví dụ:

- If it hadn't been raining the whole week, I would have finished the laundry.

(Nếu trời mưa suốt cả tuần, tôi sẽ hoàn tất việc giặt quần áo)

Đối với trường hợp "if" được sử dụng như một liên từ dùng để bắt đầu một mệnh đề phụ trạng ngữ chỉ điều kiện về thời gian, lúc này "if = when". Vậy "if" và "when" khác nhau thế nào?

* WHEN: được dùng khi diễn tả một điều gì đó chắc chắn xảy ra.

Ví dụ:

- I am going to do some shopping today. When I go shopping, I'll buy you some coffee.

(Tôi sẽ đi mua sắm ngày hôm nay. Khi tôi đi mua sắm, tôi sẽ mua cho bạn một ít cà phê.)

* IF: được dùng khi diễn tả một điều không chắc chắn (có thể hoặc không thể) xảy ra trong tương lai.

Ví dụ:

- I may go shopping today. If I go shopping, I'll buy you some coffee.

(Hôm nay tôi có thể đi mua sắm. Nếu tôi đi mua sắm, tôi sẽ mua cho bạn một ít cà phê)

* Lưu ý: Động từ chính trong mệnh đề phụ trạng ngữ bắt đầu bằng "when" hoặc "if" luôn ở thì present simple mặc dù hành động sẽ xảy ra trong tương lai.

Ví dụ:

- When/If he arrives tomorrow, I'll tell him about it

(Khi nào/Nếu anh ấy đến vào ngày mai, tôi sẽ nói với anh ấy về nó)